

Bản án số:109/2024 /HS- ST

Ngày: 30-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q TỈNH QUẢNG NGÃI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng

2. Ông Đỗ Thanh Đình

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Đình Văn Dương

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Mỹ Loan- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2024 và ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại Toà án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2024/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ **NGUYỄN ĐÌNH V**, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2003, tại: Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đình H (sinh năm 1966), con bà: Lê Thị N (sinh năm: 1969); Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không;

Tiền án: Không;

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2023/ HS-ST ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Gia Trung – Cục C10 Bộ Công an.

2/ **NGUYỄN DUY M**, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2000, tại: Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu Đ , sinh năm: 1964) Con bà: Lê Thị A , sinh năm: 1965); Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 22/02/2022 đến nay.

3/ **VÕ THÀNH D** -Sinh ngày 04 tháng 02 năm 2003, tại: Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn Đ xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Thành Đ (Đã chết) Con bà: Nguyễn Thị Ngọc T (sinh năm 1971); Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không;

Nhân thân:

- Bản án số 70/2022/ HS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 01 (Một) năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

- Bản án số 42/2023/HS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử 05 (Năm) năm tù về tội “Giết người”;

- Bản án số 17/2023/ HS-ST ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Bản án số 82/2023/HS-PT ngày 27/7/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tổng hợp hình phạt 01 (Một) năm tù tại Bản án số 70/2022/ HS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tổng hợp hình phạt 05 (Năm) năm tù tại Bản án số 42/2023/HS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, buộc bị cáo Võ Thành D phải chấp hành chung của ba bản án là 08 (Tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Bình Điền- Cục C10 thuộc Bộ Công an.

4/ **PHẠM HỮU C**, Sinh ngày 18 tháng 11 năm 2002, tại: Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn Điền Chánh, xã Nghĩa Điền, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Hữu H, Con bà: Mai Võ Thị U , sinh năm: 1981); Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 24/02/2022 đến ngày 18/01/2023, thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, hiện bị cáo đang bị Cầm đi khỏi nơi cư trú.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Hữu C: Ông Phạm D – Luật sư của Công ty luật TNHH Credent – Chi nhánh Quảng Ngãi; Địa chỉ: Số 217 đường P, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5/ **NGUYỄN XUÂN Đ**, Sinh ngày 17 tháng 5 năm 2003, tại: Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn Đi, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn C , sinh năm: 1973),Con bà: Lê Thị Xuân N , sinh năm: 1973); Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 08/3/2022 đến

ngày 07/11/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lĩnh; hiện bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân Đ: Ông Phạm D – Luật sư của Công ty luật TNHH Credent – Chi nhánh Quảng Ngãi; Địa chỉ: Số 217 đường P, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6/ **TRẦN ĐỨC Đ**, Sinh ngày 28 tháng 5 năm 2003, tại: Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Đức T, sinh năm: 1984), Con bà: Lê Thị Mỹ T, sinh năm: 1982); Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 20/02/2022 đến ngày 10/11/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lĩnh, bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Đức Đ: Ông Phạm D – Luật sư của Công ty luật TNHH Credent – Chi nhánh Quảng Ngãi; Địa chỉ: Số 217 đường P, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

7/ **VÕ TẤN Đ**, Sinh ngày 16 tháng 10 năm 1997, tại: Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ N, sinh năm: 1972), Con bà: N, sinh năm: 1974); Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 18/02/2022 đến ngày 19/01/2023, thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lĩnh, hiện bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú.

8/ **VÕ NGỌC S**, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2002, tại: Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Tổ 01, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Ngọc M, sinh năm: 1975), Con bà: Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm: 1975); Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 119/2021/HS- ST ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 02 (Hai) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Nhân thân:

Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2023/HS- ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 02 (Hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 119/2021/HS- ST ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (Bốn) năm 03 (ba) tháng tù;

Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Kim Sơn -Cục C10 thuộc Bộ Công an.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Ngọc S: Ông Nguyễn Công T - Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Công Tuấn; Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường Trương Quang T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

9/ **LÊ VĂN B (tên gọi khác BQ)**, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2002, tại: Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Tổ 05, phường Tr , thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh;Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không xác định, Con bà: Lê Thị Mỹ C, sinh năm: 1977); Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2022/HS-ST ngày 11/7/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 01 năm 06 tháng tù (mười tám tháng tù) về tội “*Cố ý gây thương tích*”;

- Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2023/HS-ST ngày 25/4/2023 của Toà án nhân dân thành phố Q xử phạt 02 năm 06 tháng về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2022/HS-ST ngày 11/7/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (Bốn) năm tù;

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi.

10/ **NGUYỄN PHI D**, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1995, tại: Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn D(Đã chết), Con bà: Lê Thị Thanh T (sinh năm: 1969). Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/9/2022 đến ngày 24/10/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, hiện bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú.

11/ **VÕ THỊ B**, sinh ngày 17 tháng 9 năm 1980, tại: Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã , thành phố Q, tỉnh ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ B (sinh năm 1956), Con bà: Tống T (sinh năm 1957); Chồng: Huỳnh Đỗ T (sinh năm 1976, đã ly hôn), Con: Huỳnh Thiện P, sinh năm: 2007)

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/02/2022 đến ngày 28/7/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, hiện bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Bé: Ông Huỳnh Ngọc A – Luật sư của Văn Phòng luật sư Quốc Ân, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ: Số 943 đường Q, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Trần Quế H, sinh ngày: 25/8/2006; Cư trú: Thôn N, xã NG, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; *Người đại diện hợp pháp của chị Trần Quế H là: Ông Trần Đức S và bà Sơn Thị L (ông S, bà L là cha, mẹ đẻ của chị H);* Cư trú: thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Anh Lê Bá Hoàng N, sinh năm 2003; Cư trú: Thôn M, xã Ng, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Anh Trần Quốc P, sinh năm 2001; Cư trú: Thôn A, xã Ng, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Anh Đỗ Anh H, sinh năm 1993; Cư trú: Thôn A, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Anh Lê Văn B, sinh năm 1995; Cư trú: Thôn A, xã Nghĩa Thắng, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Anh Nguyễn Diệu Hoàng L, sinh năm 1995; Cư trú: Tổ 01, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Anh Võ Anh K, sinh năm 2004; Cư trú: Thôn An Kỳ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Anh Nguyễn Văn NG, sinh năm 2005; Cư trú: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

9. Anh Lê Minh Ng, sinh năm 2005; Cư trú: Thôn An, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

10. Anh Trần Minh H, sinh năm 2004; Cư trú: Tổ 03, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

11. Bà Võ Thị L, sinh năm 1965; Cư trú: Số 126 đường Bà Triệu, tổ 02, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các bị cáo và người bào chữa có mặt tại phiên toà, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 21/8/2021, Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Võ Thành D, Phạm Hữu C, Nguyễn Xuân Đ, Trần Đức Đngôi nhậu tại nhà của Võ Thành D ở thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, trong khi nhậu cả nhóm thống nhất cùng nhau góp tiền mỗi người là 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) để thuê phòng “bay lắc” (sử dụng ma túy và nghe nhạc). Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân Đ, Phạm Hữu C đã góp mỗi người 500.000 đồng cho V, còn Võ Thành D, Trần Đức Đ không có tiền nên nói V cho mỗi người mượn số tiền 500.000 đồng và thỏa thuận sau khi về sẽ trả lại tiền cho V. Sau đó, Nguyễn Đình V điện thoại liên lạc với một đối tượng quen biết ngoài xã hội có tên là T (Không rõ nhân thân, lai lịch cụ thể, V không lưu và không nhớ số điện thoại của T) để hỏi mua 01 (một) chấm

“*khay*” và 02 (hai) viên ma túy “*thuốc lắc*” thì Tèo đồng ý bán ma túy với giá tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) và hẹn giao ma túy tại cơ sở karaoke-masage Đông Đô Hải ở số nhà 126 Bà Triệu thuộc tổ 2, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. T cho V số điện thoại của Võ Thị B (là người quản lý cơ sở karaoke- masage Đông Đô Hải, số điện thoại của B là 0702792212 lưu trong danh bạ điện thoại V là: “Đông Đô”) để V đặt phòng “*bay*”. Sau khi có số điện thoại của Võ Thị B, V điện thoại cho B đặt phòng “*bay*” thì B đồng ý và chuẩn bị bố trí phòng số 5. Sau đó Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Võ Thành D và Nguyễn Xuân Đ đón xe taxi đi xuống cơ sở karaoke-masage Đông Đô Hải, còn Trần Đức Đ, Phạm Hữu C đi xe máy đến cơ sở karaoke- masage Đông Đô Hải. Tại khu vực trước quán karaoke- masage Đông Đô Hải, V đưa tiền cho đối tượng Tèo, rồi T nói với V là ma túy để trên loa thùng trong phòng số 5. Sau khi mọi người vào phòng số 5 thì yêu cầu Võ Thị B mang đĩa sù, thẻ quẹt, dầu phật linh, nước ngọt lên phòng. Tại phòng số 5, V lấy ma túy để ra 01 đĩa sù “*xào, chế*” ma túy “*khay*” và “*thuốc lắc*” để cho mọi người trong phòng cùng sử dụng; lúc này M lấy tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng (Mười ngàn đồng) cuộn nhỏ thành ống hút để cả nhóm sử dụng ma túy “*khay*”. Sau đó, Nguyễn Đình V liên lạc rủ tiếp viên Trần Quế H đến tiếp “*Bay*”, H đồng ý và đi taxi đến cùng tham gia sử dụng ma túy với Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Võ Thành D, Phạm Hữu C, Nguyễn Xuân Đ, Trần Đức Đ.

Cũng vào trưa ngày 21/8/2021, tại nhà của Võ Tấn D ở thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi gồm có Lê Minh N, Trần Quốc P, Đỗ Anh H và đối tượng tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) đang ngồi chơi. Trong quá trình trò chuyện, D biết đối tượng T là người bán ma túy nên D nảy sinh ý định sử dụng ma túy bằng hình thức “*bay*” (sử dụng ma túy và nghe nhạc). Sau khi đối tượng Tuấn đi về, D rủ Trần Quốc P, Đỗ Anh H xuống thành phố Q “*bay lắc*” (tức là sử dụng ma túy và nghe nhạc) thì P và H đều nói không có tiền, Võ Tấn D nói “*Thôi cứ đi đi, để tôi lo*”, nghĩa là chi phí đi bay là D sẽ trả. Nghe vậy thì P và H đồng ý đi sử dụng ma túy bằng hình thức “*bay lắc*” cùng với D. Lê Minh N nhỏ tuổi nên D chỉ rủ đi theo chơi chứ không yêu cầu N góp tiền sử dụng ma túy. Sau đó D, H, P, N cùng đi xuống thành phố Q. Lúc này, Trần Minh H2 đang ngồi chơi ở trước sân nhà, Hiền không được D trực tiếp rủ đi “*bay*” nhưng H2 nghe D, P, N, H ở trong nhà nói chuẩn bị đi xuống thành phố Q hát karaoke nên Hiền qua nhà Nguyễn Văn Ng (ở bên cạnh nhà của D) và rủ Ng đi theo hát karaoke thì Nguyễn đồng ý. Lúc này Lê Bá Hoàng N cũng vừa đến nhà Ng nên điều khiển xe chở H2 và Ng đi theo nhóm của D để hát karaoke. Khi D, H, P, N đến làng karaoke tại đường Trần Quang Diệu thì các quán karaoke đều đóng cửa không nhận khách vì dịch Covid 19, lúc này Võ Tấn D điện thoại cho đối tượng tên T hỏi mua nửa hộp năm ma túy “*khay*” và 05 (năm) viên ma túy “*thuốc lắc*”, Tuấn đồng ý bán với giá tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) và hẹn giao ma túy tại cơ sở karaoke -massage Đông Đô Hải, nên D nói cả nhóm xuống karaoke – massage Đông Đô Hải thuê phòng và sử dụng ma túy. Trên đường đi, vì nhóm của D đi nhanh, Lê Bá Hoàng N đuổi theo không kịp nên bị lạc, sau đó N điện

thoại cho D hỏi D đang ở đâu thì D bảo Nhân đến cơ sở karaoke -massage Đông Đô Hải và Võ Tấn D điện thoại rủ thêm Võ Anh K cùng tham gia đi “bay” thì Khoa đồng ý. Cả nhóm đến cơ sở karaoke -massage Đông Đô Hải và gặp trực tiếp Võ Thị Blà nhân viên quản lý liên hệ thuê phòng để “bay”. Bé đồng ý dẫn D và các đối tượng trên lên phòng số 8, sau đó theo yêu cầu của nhóm D, Võ Thị Bmang đĩa sứ, thẻ quẹt, dầu phật linh, nước ngọt lên phòng số 8 để D và các đối tượng sử dụng ma túy. Một lúc sau có một thanh niên lạ (không phải là đối tượng Tuấn) đem số ma túy tới và để trên cái đĩa sứ trên bàn, D nói người này ra ngoài rồi D trả tiền sau. Sau khi mua được ma túy, D đổ ma túy ra đĩa “xào, chẻ” ma túy “khay” để cả nhóm cùng nhau sử dụng (riêng ông hút được làm bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng thì cả nhóm không nhớ ai làm hoặc ai đem tới). Đang chơi được một lúc, do loa phòng số 8 bị hư, nhóm của D yêu cầu Võ Thị Bđổi qua phòng số 7; trong lúc đổi phòng thì D gọi điện thoại cho Nguyễn Phi D và Võ Ngọc S rủ đến cơ sở karaoke -massage Đông Đô Hải “bay”, S và D đồng ý. Võ Ngọc S rủ Lê Văn B1(sinh năm: 2002, Nơi cư trú : phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) cùng đến tham gia sử dụng ma túy. Tại phòng số 7, Võ Tấn D lấy ma túy “keo” đưa cho Du sử dụng. Trong lúc tham gia sử dụng ma túy tại phòng số 7 thì Nguyễn Phi D có nhận điện thoại của Lê Văn Bình2 (sinh năm 1995; Nơi cư trú : xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi) hỏi Phi D đang ở đâu, phi D có nói lại việc này với D và D đồng ý để Nguyễn Phi D rủ Lê Văn B2 đến chơi. Lúc này Lê Văn B2h đang ở cùng Nguyễn Diệu Hoàng L, vì B2 không có xe nên B2 rủ L đi cùng đến hát karaoke.

Trong khi cả nhóm đang sử dụng ma túy, Võ Ngọc S nói Lê Văn B1 (Nơi cư trú: phường Trần Hưng Đạo, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) góp tiền để tham gia “bay”, B1 đưa cho S 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*), S bỏ ra 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*), tổng cộng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) rồi đưa cho D để góp tiền mua ma túy và trả tiền thuê phòng, các đối tượng còn lại không tham gia góp tiền.

Đến 16 giờ 15 phút ngày 21/8/2021, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với Công an phường Nghĩa Chánh, thành phố Q kiểm tra tại cơ sở Karaoke - Massage Đông Đô Hải, số 126 Bà Triệu thuộc tổ 2, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi do bà Võ Thị L làm chủ kinh doanh, phát hiện tại phòng số 5 và số 7 có 20 đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Qua xét nghiệm Test nhanh, 20 đối tượng này đều dương tính với chất ma túy; Cơ quan điều tra thu giữ tại 02 phòng nhiều mảnh vụn, chất bột (*ngghi là ma túy ketamin và MDMA*) và nhiều dụng cụ có liên quan đến việc sử dụng trái phép chất ma túy; quá trình kiểm tra Cơ quan điều tra đã tiến hành tạm giữ số đồ vật, tài liệu và niêm phong số tang vật nghi là chất ma túy. Cụ thể từng phòng như sau:

- * *Tại phòng số 5*, có 07 (Bảy) đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy gồm:
 - Nguyễn Đình V, sinh ngày: 04/10/2003; Nơi cư trú : Thôn D, xã Ng, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi;
 - Nguyễn Duy M, sinh ngày: 01/9/2000; Nơi cư trú : Thôn T, xã T, huyện

S, tỉnh Quảng Ngãi ;

- Võ Thành D, sinh ngày: 04/02/2003; Nơi cư trú : Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi ;

- Phạm Hữu C, sinh ngày: 18/11/2002; Nơi cư trú : Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi ;

- Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày: 17/5/2003; Nơi cư trú : Thôn Đ xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi ;

- Trần Đức Đ, sinh ngày: 28/5/2003; Nơi cư trú : Thôn Đ, xã N, huyện T tỉnh Quảng Ngãi ;

- Trần Quế H, sinh ngày: 25/8/2006; Chỗ ở: Thôn N xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi .

* *Tại phòng số 7:* có 13 (mười ba) đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy gồm:

- Võ Tấn D , sinh ngày: 16/10/1997; Nơi cư trú : Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi ;

- Lê Bá Hoàng N, sinh ngày: 20/8/2003; Nơi cư trú : Thôn M, xã Ng, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi ;

- Trần Quốc P, sinh ngày: 27/3/2001; Nơi cư trú : Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi ;

- Đỗ Anh H, sinh ngày: 20/6/1993; Nơi cư trú : Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi ;

- Lê Văn B2, sinh ngày: 27/01/1995; Nơi cư trú : Thôn A, xã , huyện T, tỉnh Quảng Ngãi ;

- Lê Văn B1, sinh ngày: 04/11/2002; Nơi cư trú : Tổ 5, phường T, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi ;

- Võ Ngọc S, sinh ngày: 08/8/2002; Nơi cư trú : Tổ 1, phường C, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi ;

- Nguyễn Diệu Hoàng L, sinh ngày: 29/4/1995; Nơi cư trú : Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi ;

- Nguyễn Phi D, sinh ngày: 02/8/1995; Nơi cư trú : Thôn A 1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi ;

- Võ Anh K, sinh ngày: 11/7/2004; Nơi cư trú : Thôn A, xã N, huyện T);

- Nguyễn Văn Ng, sinh ngày: 23/10/2005; Nơi cư trú : Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi ;

- Lê Minh N, sinh ngày: 22/5/2005; Nơi cư trú : Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi ;

- Trần Minh H, sinh ngày: 27/9/2004; Nơi cư trú : Tổ 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi .

Tại phòng số 5 cơ sở Karaoke - Massage Đông Đô Hải, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Ngãi đã thu giữ, niêm phong vật chứng là các chất nghi là ma túy cùng một số đồ vật, dụng cụ sử dụng ma túy có liên quan, cụ thể:

- Một túi ni long màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng;

- Một túi ni long màu trắng bên trong chứa một viên nén màu tím không rõ hình dạng;

- Một đĩa sứ màu trắng, hình tròn, trên mặt đĩa có bám dính chất bột màu trắng;

- Một tờ tiền Polyme, mệnh giá 10.000đồng được cuộn tròn, bên ngoài có dán giấy;

- Một thẻ màu đen có in nhiều chữ, số màu trắng, có chữ YaMe.Vn, có bám dính chất bột màu trắng.

-01 (một) điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Samsung, màn hình điện thoại bị nứt vỡ, bên trong thân máy có gắn 02 thẻ sim, đây là điện thoại của Nguyễn Đình V dùng để liên hệ mua ma túy sử dụng.

- 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Samsung, màu trắng, màn hình điện thoại bị bể vỡ, điện thoại không lên nguồn, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri 8984048000059967604, đây là điện thoại của Nguyễn Duy M.

- 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu xám, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri 8984048000327419528, đây là điện thoại của Võ Thành D.

- 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu bạc, điện thoại được cài đặt mật khẩu, bên trong thân máy có gắn 01 thẻ Sim Viettel số seri 8984048000077151920, đây là điện thoại của Phạm Hữu C.

- 01 điện thoại di động loại cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu đỏ, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri 8984048000078955858, đây là điện thoại của Trần Đức Đ.

- 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu bạc, điện thoại không lên nguồn, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim mobifone có số seri 1171133005160, đây là điện thoại của Nguyễn Xuân Đ.

- 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu trắng, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri 8984048000318157053, đây là điện thoại của Trần Quế Hương.

Số tiền bị cáo V, M, S, D, Xuân Đ và Đức Đ góp được 3.000.000đồng, bị cáo V đã trả tiền mua ma túy hết 2.000.000đồng, còn 1.000.000đồng để trả tiền thuê phòng, nhưng bị bắt quả tang nên V chưa trả tiền thuê phòng, V đã dùng số tiền 1.000.000đồng này để thanh toán chi phí test Covid-19 cho các đối tượng tại phòng karaoke số 5, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi không tiến hành thu giữ số tiền này.

Tại phòng số 7 cơ sở Karaoke - Massage Đông Đô Hải, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Ngãi đã thu giữ, niêm phong vật chứng là các chất nghi là ma túy cùng một số đồ vật, dụng cụ sử dụng ma túy có liên quan, cụ thể:

- Một túi ni long màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng;
- Một đĩa sứ màu trắng, trên mặt đĩa có bám dính chất bột màu trắng;
- Một tờ tiền Polyme, loại 10.000.000 đồng được cuộn tròn hình dạng ống hút;
- Một thẻ bảo hành trên bề mặt có chữ Warranty Card, có bám dính chất bột màu trắng.
- 01 (một) điện thoại di động, màu trắng, nhãn hiệu IPHONE, model: A1688; IMEI 1: 355417077736509, bên trong có thẻ Sim Viettel có dãy số 8984048008819756051, đây là điện thoại của Võ Tấn D dùng để liên hệ mua ma túy sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động, màu xanh đen, nhãn hiệu NOKIA, model: TA-1174; IMEI 1: 355752101548326, IMEI 2: 355752103548324, bên trong có thẻ Sim Viettel có dãy số 8984048000324190776 và thẻ Sim Mobifone có dãy số 8401201133174179, đây là điện thoại của Võ Ngọc S dùng để liên hệ rủ Lê Văn B1 tham gia sử dụng ma túy.
- 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu NOKIA, model: RM-647; IMEI 1: 356338/05/310386/1, bên trong có thẻ Sim Vinaphone có dãy số 89840200011164198044. đây là điện thoại của Nguyễn Phi D dùng để liên lạc rủ Lê Văn B2 tham gia sử dụng ma túy.
- 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu VIVO, model: V2026; IMEI 1: 860671057579457, IMEI 2: 860671057579440, bên trong có thẻ Sim Viettel có dãy số 8984048000052923398, đây là điện thoại của Trần Quốc P.
- 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu IPHONE, model: A1688; IMEI 1: 355417077736509, bên trong có thẻ Sim Viettel có dãy số 8984048008819756051, đây là điện thoại của Nguyễn Hoàng Diệu L.
- 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG, model: SM-515F/DSN; IMEI 1: 353544563015916, IMEI 2: 353914473015910 bên trong có 02 thẻ Sim Viettel có dãy số 8984048000319873143 và 8984048841007096079, đây là điện thoại của Đỗ Anh H.
- 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu Redmi, model: Redmi 9; IMEI 1: 869876057380720, IMEI 2: 869876057380738 bên trong có thẻ Sim Mobifone có dãy số 8401200233255288, đây là điện thoại của Võ Anh K.
- 01 điện thoại di động, loại cảm ứng nhãn hiệu Samsung, màu đen, bên trong thân máy không có thẻ sim, đây là điện thoại của Lê Văn B2 (SN: 1995: ở xã Ng).

Bị bắt quả tang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nên bị cáo D chưa thanh toán tiền mua ma túy cho đối tượng thanh niên trên, số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) mà Võ Ngọc S và Lê Văn B góp, bị cáo D đã chi phí test Covid-19 cho các đối tượng tại phòng karaoke số 7, Cơ quan điều tra Công an tỉnh

Quảng Ngãi không thu giữ số tiền này.

Ngày 24/8/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Quảng Ngãi đã có kết luận giám định số: 776/KLGD-PC09, kết luận đối với vật chứng thu giữ ở phòng số 5 cơ sở Karaoke - Massage Đông Đô Hải như sau:

+ *Chất bột màu trắng bên trong túi ny lông màu trắng gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine, khối lượng mẫu: 0,002 gam.*

+ *01 (một) viên nén màu tím không rõ hình dạng bên trong túi ny lông màu trắng gửi giám định là ma túy, loại: MDMA, khối lượng mẫu: 0,22 gam.*

+ *Chất bột màu trắng bám dính trên đĩa sứ màu trắng, trên thẻ màu đen có in nhiều chữ, số màu trắng và có in chữ “YaMe.Vn”, trong đoạn ống được quấn từ tờ tiền polyme mệnh giá 10.000VNĐ là ma túy, loại: Ketamine. Chất bột màu trắng bám dính trong các đồ vật trên ở dạng vi vết nên không cân khối lượng.*

Ngày 24/8/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Quảng Ngãi đã có kết luận giám định số: 777/KLGD-PC09, kết luận với vật chứng thu giữ ở phòng số 7 cơ sở Karaoke - Massage Đông Đô Hải như sau:

+ *Chất bột màu trắng bên trong túi ny lông màu trắng gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine, khối lượng mẫu: 0,14 gam.*

+ *Chất bột màu trắng bám dính trên đĩa sứ màu trắng, trên thẻ bảo hành có in chữ Warranty card, trong đoạn ống được quấn từ tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng là ma túy, loại: Ketamine. Chất bột màu trắng bám dính trong các đồ vật trên ở dạng vi vết nên không cân khối lượng.*

Theo kết luận giám định số 266/KL-KTHS ngày 09/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Quảng Ngãi, kết quả trưng cầu giám định định dữ liệu điện tử cho thấy: Bị cáo V có liên lạc với chị Trần Quế Hủ đến cơ sở karaoke Đông Đô Hải. Cơ quan Điều tra tiến hành làm việc, bị cáo V xác định số điện thoại của bị cáo Bé là 0702792212 với tên lưu là “Đông Đô”, không xác định được số điện thoại của đối tượng tên Tèo mà V liên hệ mua ma túy, không biết rõ nhân thân, lai lịch của đối tượng này.

Theo kết luận giám định số 267/KL-KTHS ngày 31/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Quảng Ngãi, kết quả trưng cầu giám định định dữ liệu điện tử cho thấy: Bị cáo D có thông tin liên lạc với Nguyễn Phi D, Võ Ngọc .

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Võ Thành D, Phạm Hữu C, Nguyễn Xuân Đ, Trần Đức Đ, Võ Tấn D , Võ Ngọc S , Lê Văn Bình, Nguyễn Phi Du, Võ Thị Bã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với tang vật đã thu giữ được.

Bản Cáo trạng số 58/CT-VKSTPQN ngày 22/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã quyết định:

- Truy tố Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Phạm Hữu C, Võ Thành D, Nguyễn Xuân Đ, Trần Đức Đ, Võ Tấn D , Võ Ngọc S , về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự;

- Truy tố Nguyễn Phi D về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự;

- Truy tố Võ Thị Bvề tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, 38, 91, 101, 56 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt Nguyễn Đình V: 5 năm 06 tháng đến 6 năm tù;

Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 82/2023/HSPT ngày 27/7/2023 của TAND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Xử phạt Võ Thành D: 7 năm 06 tháng đến 8 năm tù;

Tổng hợp hình phạt 08 năm 06 tháng tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 82/2023/HSPT ngày 27/7/2023 của TAND tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, 38 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt Nguyễn Duy M: 7 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

+ Xử phạt Phạm Hữu C: 7 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

+ Xử phạt Trần Đức Đ: 7 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

+ Xử phạt Nguyễn Xuân Đ: 7 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Võ Tấn D : 7 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, 38, 56 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Võ Ngọc S : 7 năm 06 tháng đến 8 năm tù.

Tổng hợp hình phạt 04 năm 03 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2023/HS - ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân TP Quảng Ngãi.

+ Xử phạt Lê Văn B: 7 năm 06 tháng đến 8 năm tù.

Tổng hợp hình phạt 04 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2023/HS - ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân TP Quảng Ngãi.

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, 38, 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Phi Dừ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Võ Thị Bé: 7 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị:

- Tịch thu, tiêu hủy :

+ Tại phòng số 5: 01 đĩa sứ màu trắng, hình tròn, trên bề mặt có dính chất

bột màu trắng; 01 thẻ màu đen có in nhiều chữ, số màu trắng có chữ “YaMe.Vn” có bám dính chất bột màu trắng; 01 tờ polyme mệnh giá 10.000 đồng (*Mười ngàn đồng*) được cuộn tròn, bên ngoài có dán giấy; cùng toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong gửi giám định được niêm phong trong cùng một phong bì.

+ Tại phòng số 7: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ bảo hành có in chữ Warranty card, 01 đoạn ống được quấn từ tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng (*Mười ngàn đồng*) cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong gửi giám định được niêm phong trong cùng một phong bì.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động, màu trắng, nhãn hiệu IPHONE, model: A1688; IMEI 1: 355417077736509, bên trong có thẻ Sim Viettele có dãy số 8984048008819756051, đây là điện thoại của Võ Tấn D dùng để liên hệ mua ma túy sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động, màu xanh đen, nhãn hiệu NOKIA, model: TA-1174; IMEI 1: 355752101548326, IMEI 2: 355752103548324, bên trong có thẻ Sim Viettel có dãy số 8984048000324190776 và thẻ Sim Mobifone có dãy số 8401201133174179, đây là điện thoại của Võ Ngọc S dùng để liên hệ rủ Lê Văn Btham gia sử dụng ma túy.

+ 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu NOKIA, model: RM-647; IMEI 1: 356338/05/310386/1, bên trong có thẻ Sim Vinaphone có dãy số 89840200011164198044, đây là điện thoại của Nguyễn Phi D dùng để liên lạc rủ Lê Văn Btham gia sử dụng ma túy.

+ 01 (một) điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Samsung, màn hình điện thoại bị nứt vỡ, bên trong thân máy có gắn 02 thẻ sim, đây là điện thoại của Nguyễn Đình V dùng để liên hệ mua ma túy sử dụng.

- Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại:

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy M: 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Samsung, màu trắng, màn hình điện thoại bị bể vỡ, điện thoại không lên nguồn, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri 8984048000059967604.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Đức Đ: 01 điện thoại di động loại cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu đỏ, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri 8984048000078955858.

+ Trả lại cho bị cáo ị cáo Phạm Hữu C: 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu bạc, điện thoại được cài đặt mật khẩu, bên trong thân máy có gắn 01 thẻ Sim Viettel số seri 8984048000077151920.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân Đ: 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu bạc, điện thoại không lên nguồn, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim mobifone có số seri 1171133005160.

+ Trả lại cho bị cáo Võ Thành D: 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu xám, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri

8984048000327419528.

+ Trả lại cho chị Trần Quế H: 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu trắng, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri 8984048000318157053.

+ Trả lại cho anh Trần Quốc P: 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu VIVO, model: V2026; IMEI 1: 860671057579457, IMEI 2: 860671057579440, bên trong có thẻ Sim Viettel có dãy số 8984048000052923398.

+ Trả lại cho anh Nguyễn Hoàng Diệu L: 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu IPHONE, model: A1688; IMEI 1: 355417077736509, bên trong có thẻ Sim Viettele có dãy số 8984048008819756051.

+ Trả lại cho anh Đỗ Anh H: 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG, model: SM-515F/DSN; IMEI 1: 353544563015916, IMEI 2: 353914473015910 bên trong có 02 thẻ Sim Viettele có dãy số 8984048000319873143 và 8984048841007096079.

+ Trả lại cho anh Võ Anh K: 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu Redmi, model: Redmi 9; IMEI 1: 869876057380720, IMEI 2: 869876057380738 bên trong có thẻ Sim Mobifone có dãy số 8401200233255288.

+ Trả lại cho anh Lê Văn Bình: 01 điện thoại di động, loại cảm ứng nhãn hiệu Samsung, màu đen, bên trong thân máy không có thẻ sim.

Các bị cáo không tranh luận;

Ý kiến người bào chữa của bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Trần Đức Đ, Phạm Hữu C:

Số tiền mua ma túy là do bị cáo Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Nguyễn Xuân Đ và Phạm Hữu C góp, bị cáo Trần Đức Đ hỏi mượn tiền của bị cáo V nhưng bị cáo Trần Đức Đ không cầm tiền trực tiếp do bị cáo V đưa, bị cáo V là người mua ma túy và “xào” ma túy, bị cáo Mỹ dùng tiền quán ông hút, các dụng cụ khác để sử dụng ma túy là do bị cáo Bé cung cấp, bị cáo V là người gọi chị Trần Quế H đến cùng sử dụng ma túy, tất cả các việc liên quan đến sử dụng ma túy đều do bị cáo V thực hiện, bị cáo Trần Đức Đ, Nguyễn Xuân Đ, Phạm Hữu C không chỉ huy, phân công, điều hành các hoạt động đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác mà chỉ đưa ma túy vào chính cơ thể mình, vì vậy, căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999 thì bị cáo Trần Đức Đ, Nguyễn Xuân Đ, Phạm Hữu C không phải là đồng phạm với bị cáo V về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo cùng nhau góp tiền mua ma túy sử dụng thì chỉ là sử dụng trái phép chất ma túy, chứ không phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo V là người gọi chị Trần Quế H đến, bị cáo Trần Đức Đ, Nguyễn Xuân Đ, Phạm Hữu C không biết, nên không phải chịu trách nhiệm về hành vi đối với chị Hương. Các bị cáo Trần Đức Đ, Nguyễn Xuân Đ, Phạm Hữu C chỉ cùng nhau sử dụng ma túy, không rủ ai nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trần Đức Đ, Nguyễn Xuân Đ, Phạm Hữu C theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là không có căn cứ.

Ý kiến người bào chữa của bị cáo Võ Thị B: Bị cáo Võ Thị B đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có mẹ là thương binh, con của bị cáo còn nhỏ, bị cáo có chồng nhưng đã ly hôn, hiện người chồng cũ không biết sinh sống ở đâu, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Ý kiến của người bào chữa của bị cáo Võ Ngọc S : Bị cáo Võ Ngọc S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha của bị cáo đã tham gia quân đội, hoàn thành nhiệm vụ và được xuất ngũ. Hiện nay hoàn cảnh gia đình của bị cáo Sinh khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xét xử bị cáo mức hình phạt 7 năm 3 tháng tù.

Ý kiến tranh luận, đối đáp của đại diện Viện kiểm sát đối với ý kiến tranh luận của người bào chữa của bị cáo Trần Đức Đ, Nguyễn Xuân Đ và Phạm Hữu C: Theo Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999 thì đồng phạm về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy gồm nhiều hành vi, chỉ cần thực hiện một trong các hành vi đó là đã đủ căn cứ xác định là đồng phạm, trong vụ án này các bị cáo Trần Đức Đ, Nguyễn Xuân Đ và Phạm Hữu C đều thừa nhận việc cùng góp tiền để mua ma túy và thuê địa điểm sử dụng ma túy; bị cáo Nguyễn Đình V và bị cáo Trần Đức Đ đều thừa nhận có sự việc bị cáo Trần Đức Đ hỏi mượn tiền của bị cáo V để góp mua ma túy và trả tiền thuê phòng, nhưng vì bị bắt quả tang nên bị cáo V đã sử dụng số tiền bị cáo Trần Đức Đ và bị cáo Võ Thành D góp để chi phí tests COVID19 cho các bị cáo tại phòng số 5. Khi chị Trần Quế Hến cùng sử dụng ma túy với các bị cáo thì các bị cáo Trần Đức Đ, Nguyễn Xuân Đ và Phạm Hữu C đều biết và không có phản ứng ngăn cản; như vậy bị cáo Trần Đức Đ, Nguyễn Xuân Đ và Phạm Hữu C đã chuẩn bị địa điểm, chuẩn bị chất ma túy, cung cấp trái phép chất ma túy cho người khác sử dụng, trong đó có chị Trần Quế Hchưa đủ 18 tuổi, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Trần Đức Đ, Nguyễn Xuân Đ và Phạm Hữu C đồng phạm về về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

Lời nói sau cùng, các bị cáo ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình V, bị cáo Nguyễn Duy M, bị cáo Võ Thành D, bị cáo Phạm Hữu C, bị cáo Nguyễn Xuân Đ, bị cáo Trần Đức Đ, bị cáo Võ Tấn D , bị cáo Võ Ngọc S , bị cáo Lê Văn B1, bị cáo Nguyễn Phi D và bị cáo Võ Thị Bkhai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung vụ án. Lời khai của các bị cáo phù hợp với vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Võ Thị B được chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke Đông Đô Hải giao nhiệm vụ trực tiếp trông coi và quản lý cơ sở kinh doanh. Vào trưa ngày 21/8/2021, Võ Thị B đã cho các bị cáo Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Võ Thành D, Phạm Hữu C, Nguyễn Xuân Đ, Trần Đức Đ, Trần Quý H thuê phòng số 5 của cơ sở để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; cho các bị cáo Võ Tấn D , Lê Văn B (sinh ngày: 04/11/2002 ở phường Trần Hưng Đạo), Võ Ngọc S , Nguyễn Phi D và các anh, chị Lê Bá Hoàng Nhân, Trần Quốc P, Đỗ Anh H, Lê Văn B (sinh ngày: 27/01/1995 ở xã Nghĩa Thắng), Nguyễn Diệu Hoàng L, Võ Anh K, Nguyễn Văn Ng, Lê Minh N, Trần Minh H thuê phòng số 7 của cơ sở để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời bị cáo B còn cung cấp các dụng cụ sử dụng ma túy là đĩa sứ, thẻ card điện thoại, thẻ nhựa, dầu phật linh theo yêu cầu của các bị cáo để dùng vào việc sử dụng ma túy.

Đến 16 giờ 15 phút ngày 21/8/2021, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với Công an phường Nghĩa Chánh, thành phố Q kiểm tra tại cơ sở Karaoke - Massage Đông Đô Hải, số 126 Bà Triệu thuộc tổ 2, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã bắt quả tang tại phòng số 5 cơ sở Karaoke - Massage Đông Đô Hải các bị cáo Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Võ Thành D, Phạm Hữu C, Nguyễn Xuân Đ, Trần Đức Đ và chị Trần Quý H (tổng cộng có 7 người) đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (trong đó có Trần Quý H – sinh ngày 25/8/2006 là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi), tiến hành xét nghiệm (test nhanh) nước tiểu phát hiện cả 7 người đều dương tính với ma túy; khối lượng ma túy tại thời điểm bắt quả tang là 0,002 gam ma túy loại Ketamine và 0,22 gam ma túy loại MDMA;

Cùng thời điểm, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với Công an phường Nghĩa Chánh, thành phố Q đã bắt quả tang tại phòng số 7 cơ sở Karaoke - Massage Đông Đô Hải các bị cáo Võ Tấn D , Lê Văn B (sinh ngày: 04/11/2002), Võ Ngọc S , Nguyễn Phi D và các anh, chị Lê Bá Hoàng Nh, Trần Quốc P, Đỗ Anh H, Lê Văn B (sinh ngày: 27/01/1995), Nguyễn Diệu Hoàng Lê, Võ Anh K, Nguyễn Văn Nguyên, Lê Minh N, Trần Minh Hiền (tổng cộng 13 người) đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (trong đó có Võ Anh K, Nguyễn Văn Ng, Lê Minh N, Trần Minh H là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi), tiến hành xét nghiệm (test nhanh) nước tiểu phát hiện cả 13 người đều dương tính với ma túy; khối lượng ma túy tại thời điểm bắt quả tang là 0,14 gam ma túy loại Ketamine.

Những lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có

tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa.

Cáo trạng số 58/CT-VKSTPQN ngày 22/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã quyết định truy tố Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Phạm Hữu C, Võ Thành D, Nguyễn Xuân Đ, Trần Đức Đ, Võ Tấn D, Võ Ngọc S, Lê Văn B về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Truy tố Nguyễn Phi D về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự và truy tố Võ Thị B về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Phạm Hữu C, Võ Thành D, Nguyễn Xuân Đ, Trần Đức Đ, Võ Tấn D, Võ Ngọc S, Lê Văn B phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Phi D phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự và bị cáo Võ Thị B phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Phạm Hữu C, Võ Thành D, Nguyễn Xuân Đ, Trần Đức Đ:

Bị cáo Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Phạm Hữu C, Võ Thành D, Nguyễn Xuân Đ, Trần Đức Đ cùng rủ nhau góp tiền, chuẩn bị địa điểm (thuê phòng karaoke), cung cấp (mua) ma túy, chuẩn bị dụng cụ để các bị cáo và chị Trần Quế H cùng sử dụng ma túy, trong đó: Bị cáo Nguyễn Đình V trực tiếp liên hệ thuê phòng karaoke, liên hệ mua ma túy, “xào, chẻ” ma túy và gọi chị Trần Quế H tới; bị cáo Nguyễn Duy M quản tờ tiền 10.000 đồng thành ông hút để bị cáo và những người khác cùng sử dụng hít ma túy “khay”, bị cáo Phạm Hữu C, Nguyễn Xuân Đ, Võ Thành D và Trần Đức Đ góp tiền cùng với bị cáo Nguyễn Đình V để mua ma túy và trả tiền thuê phòng karaoke (bị cáo Phạm Hữu C và bị cáo Trần Xuân Đạt mỗi người góp trực tiếp 500.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Đình V, còn bị cáo Võ Thành D và bị cáo Trần Đức Đ thống nhất góp mỗi bị cáo 500.000 đồng nhưng mượn của bị cáo Nguyễn Đình V, sẽ trả sau).

Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo với vai trò là người thực hiện, cùng rủ nhau góp tiền chuẩn bị địa điểm (thuê phòng karaoke), cung cấp (mua) ma túy, chuẩn bị dụng cụ để bị cáo Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Phạm Hữu C, Võ Thành D, Nguyễn Xuân Đ, Trần Đức Đ và chị Trần Quế H cùng sử dụng ma túy, chị Trần Quế H sinh ngày 25/8/2006, tại thời điểm ngày 21/8/2021 chị Hương được 14 tuổi 11 tháng 26 ngày, khi chị Hương sử dụng ma túy cùng với các bị cáo thì các bị cáo đều không có ý kiến gì về việc chị Hương sử dụng ma túy, do đó hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung “*đối với 02 người trở lên*” và “*đối với người từ đủ 13 tuổi đến*

dưới 18 tuổi” theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

[3.2] Đối với bị cáo Võ Tấn D , Võ Ngọc S , Lê Văn B(sinh ngày 04/11/2002):

Bị cáo Võ Tấn D là người khởi xướng rủ bị cáo Võ Ngọc S , bị cáo Lê Văn Bình, bị cáo Nguyễn Phi D và các đối tượng Trần Quốc P, Đỗ Anh H, Võ Anh K, Lê Hoàng Bá Nhân và Lê Minh N sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức “bay lắc”; bị cáo Võ Tấn D trực tiếp liên hệ thuê phòng karaoke, liên hệ mua ma túy;

Bị cáo Võ Ngọc S đã góp 1.250.000đồng, bị cáo Lê Văn B đã góp 750.000đồng cùng với bị cáo Võ Tấn D thuê phòng karaoke, mua ma túy để các bị cáo Võ Tấn D , Võ Ngọc S , Lê Văn B(sinh ngày 04/11/2002), Nguyễn Phi D và các đối tượng là Trần Quốc P, Đỗ Anh H, Võ Anh K, Lê Hoàng Bá Nhân, Lê Minh N, Trần Minh Hiền, Nguyễn Văn Nguyên và Lê Văn B(sinh ngày 27/01/1995) cùng sử dụng ma túy, trong đó có các đối tượng chưa đủ 18 tuổi là Trần Minh Hiền (sinh ngày 27/9/2004), Võ Anh K (sinh ngày 11/7/2004), Nguyễn Văn Nguyên (sinh ngày 23/10/2005) và Lê Minh N (sinh ngày 22/5/2005).

Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo Võ Tấn D , Võ Ngọc S , Lê Văn B(sinh ngày 04/11/2002) với vai trò là người thực hiện, các bị cáo cùng rủ nhau góp tiền chuẩn bị địa điểm (thuê phòng karaoke), cung cấp (mua) ma túy, để các bị cáo, các đối tượng khác cùng sử dụng, trong đó có Trần Minh Hiền, Võ Anh K, Nguyễn Văn Nguyên và Lê Minh N chưa đủ 18 tuổi và khi Trần Minh Hiền, Võ Anh K, Nguyễn Văn Nguyên và Lê Minh N sử dụng ma túy cùng với các bị cáo thì các bị cáo đều không có ý kiến gì về việc Trần Minh Hiền, Võ Anh K, Nguyễn Văn Nguyên và Lê Minh N sử dụng ma túy, do đó hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “đối với 02 người trở lên” và đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi” theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

[3.3] Đối với bị cáo Nguyễn Phi Du:

Bị cáo Nguyễn Phi D là người được bị cáo Võ Tấn D rủ đến sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo Du không góp tiền để mua ma túy và thuê địa điểm dùng ma túy với bị cáo D , bị cáo Sinh và bị cáo Bình. Khi đối tượng Lê Văn B(sinh ngày 27/01/1995 ở Nghĩa Thắng) liên lạc với bị cáo Du ý định muốn đến tham gia cùng thì bị cáo Du đã hỏi ý kiến bị cáo D , bị cáo D đồng ý nên bị cáo Du đã thông báo địa chỉ để Lê Văn B đến tại phòng số 7 cơ sở karaoke- massage Đông Đô Hải, Lê Văn B cùng tham gia sử dụng ma túy với các bị cáo và đối tượng khác, do đó hành vi của Nguyễn Phi D đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

[3.4] Đối với bị cáo Võ Thị Bé:

Vào ngày 21/8/2021, bị cáo Võ Thị B được bà Võ Thị Lộc (chủ cơ sở kinh doanh karaoke- massage Đông Đô Hải) giao nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt

động của cơ sở kinh doanh karaoke- massage Đông Đô Hải, như đón, nhận khách đến hát karaoke, đem nước uống khi khách yêu cầu, tính tiền và dọn dẹp phòng hát. Bị cáo Bé đã cho nhóm của bị cáo Nguyễn Đình V (gồm 7 người) thuê phòng số 05 và nhóm của bị cáo Võ Tấn D (gồm 13 người) thuê phòng số 7 của cơ sở kinh doanh karaoke- massage Đông Đô Hải. Trước khi sử dụng ma túy thì các đối tượng thuê phòng số 5 và phòng số 7 nêu trên yêu cầu Bé mang đĩa sủ, thẻ Card điện thoại, dầu phật linh, nước suối, cocacola lên các phòng, Võ Thị B biết các đối tượng này đến thuê phòng không nhằm mục đích hát mà để sử dụng ma túy và nghe nhạc nhưng bị cáo Bé không nói gì, để mặc khách sử dụng ma túy. Bị cáo Bé cho thuê phòng với giá tiền từ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đến 350.000 đồng (*Ba trăm năm mươi ngàn đồng*)/01 tiếng, mục đích để chủ cơ sở có tiền trả lương cho mình. Đến 16 giờ 15 phút cùng ngày, khi lực lượng Công an tới kiểm tra hành chính, do sợ Cơ quan Công an phát hiện hành vi vi phạm của mình nên bị cáo Võ Thị B bỏ trốn, đến ngày 31/8/2021 mới trình diện tại Cơ quan điều tra và đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình phù hợp với tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra đã thu thập được. Hành vi của bị cáo Võ Thị B đã xâm phạm sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, đã phạm vào tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;
- Trong quá trình điều tra và xét xử, các bị cáo Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Phạm Hữu C, Võ Thành D, Nguyễn Xuân Đ, Trần Đức Đ, Lê Văn B và Võ Ngọc S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;
 - Bị cáo Võ Tấn D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có bà nội là người có công cách mạng, vì vậy bị cáo Võ Tấn D được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;
 - Bị cáo Võ Thị B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có mẹ ruột là người được hưởng chính sách như thương binh (thương tật 4/4), vì vậy bị cáo Võ Thị B được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;
 - Bị cáo Nguyễn Phi D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo có ông nội là thương binh hạng 2/4 và bị cáo được Ban Thường vụ Đoàn Thanh niên xã Nghĩa Thuận, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi tặng Giấy Khen vì đã có nghĩa cử cao đẹp “Nhặt được của rơi trả lại cho người mất”, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

[5] Từ những phân tích trên, nhận thấy:

Các bị cáo Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Phạm Hữu C, Võ Thành D, Nguyễn Xuân Đ, Trần Đức Đ, Võ Tấn D, Lê Văn Bình, Võ Ngọc S, Nguyễn Phi Dnhận thức được việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và bị cáo Võ Thị Bnhận thức được chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích muốn thoả mãn nhu cầu cá nhân nên các bị cáo Nguyễn Đình V, Nguyễn Duy M, Phạm Hữu C, Võ Thành D, Nguyễn Xuân Đ, Trần Đức Đ, Võ Tấn D, Lê Văn Bình, Võ Ngọc S, Nguyễn Phi Đã thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo Võ Thị Bchứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng lớn đến sức khoẻ cộng đồng và là nguyên nhân để gây ra các loại tội phạm khác, gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Q, vì vậy cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội trong một thời hạn nhất định mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo, theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Đình V sinh ngày 04/10/2003, khi phạm tội bị cáo Nguyễn Đình V được 17 tuổi 10 tháng 17 ngày, chưa đủ 18 tuổi, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 91 và Khoản 1 Điều 101 của Bộ Luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình V, xét xử bị cáo với mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

Đối với bị cáo Nguyễn Phi Du, bị cáo bị truy tố khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có 1 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 Điều 51 và 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự, có khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

[6] Đối với đối tượng tên Tèo bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Đình V: bị cáo V không biết về nhân thân, lai lịch, đặc điểm người bán ma túy nên cơ quan điều tra không đủ thông tin để tiến hành xác minh, làm rõ.

[7] Đối với đối tượng tên Tuấn bán ma túy cho bị cáo Võ Tấn D : bị cáo D không biết về nhân thân, lai lịch, đặc điểm người bán ma túy nên cơ quan điều tra không đủ thông tin để tiến hành xác minh, làm rõ.

[8] Đối với chị Trần Quế Hương, chị Hương được bị cáo Nguyễn Đình V rủ đến phòng số 5 của cơ sở karaoke Đông Đô Hải để sử dụng ma túy, nhưng không góp tiền để mua ma túy sử dụng và thuê địa điểm sử dụng ma túy. Do đó, Trần Quế Hkhông có dấu hiệu đồng phạm với các bị cáo về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, chị Trần Quế Hcó hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra lập hồ sơ chuyển cho Công an xã Nghĩa Hiệp, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi xử lý hành chính về hành vi: “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo khoản 1, Điều 21 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP là có cơ sở.

[9] Đối với 09 đối tượng: Lê Minh N, Trần Quốc P, Đỗ Anh H, Trần Minh

H, Nguyễn Văn Ng, Võ Anh K, Lê Bá Hoàng N, Lê Văn B(Sinh năm: 1995: ở xã Nghĩa Thắng, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi), Nguyễn Diệu Hoàng L đã đến phòng số 7 tham gia sử dụng ma túy, nhưng không góp tiền để mua ma túy sử dụng và thuê địa điểm sử dụng ma túy. Do đó, các đối tượng này không có dấu hiệu đồng phạm với các bị cáo Võ Tấn D , Võ Ngọc S và Lê Văn B(sinh ngày 04/11/2002 ở phường Trần Hưng Đạo, thành phố Q) về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên các đối tượng này có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra lập hồ sơ chuyển cho Công an xã, phường nơi các đối tượng này cư trú để xử lý hành chính các đối tượng này về hành vi: “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo khoản 1, Điều 21 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP là có cơ sở.

[10] Đối với bà Võ Thị L là chủ cơ sở Karaoke - Massage Đông Đô Hải: Vào ngày 21/8/2021, bị cáo Võ Thị B cho hai nhóm khách thuê phòng số 5 và số 7 để sử dụng ma túy nhưng bị cáo B không báo cho bà L biết, bà L không có mặt tại cơ sở nên bà L hoàn toàn không biết và không đồng phạm với bị cáo Võ Thị B. Tuy nhiên, bà Võ Thị L là chủ cơ sở kinh doanh nhưng lại để cho các bị cáo lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội, do đó Công an thành phố Q lập hồ sơ tham mưu cho Chủ tịch UBND thành phố Q xử phạt vi phạm hành chính chủ Cơ sở Karaoke - Massage Đông Đô Hải về hành vi vi phạm: “*Để cho người khác lợi dụng sử dụng chất ma túy trong khu vực mình quản lý*” được quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính Phủ là có cơ sở.

[11] Về xử lý vật chứng:

- *Đối với vật chứng thu giữ tại phòng số 5 gồm có:*

+ 01 đĩa sứ màu trắng, hình tròn; 01 thẻ màu đen có in nhiều chữ, số màu trắng có chữ “YaMe.Vn” cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong gửi giám định được niêm phong trong cùng một phong bì, cần tịch thu tiêu hủy;

+ 01 tờ polyme mệnh giá 10.000 đồng (*Mười ngàn đồng*) được cuộn tròn, bên ngoài có dán giấy, đã bị cháy xém không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- *Đối với vật chứng thu giữ tại phòng số 7 gồm có:*

+ 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ bảo hành có in chữ Warranty card, cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong gửi giám định được niêm phong trong cùng một phong bì, cần tịch thu tiêu hủy;

+ 01 đoạn ống được quấn từ tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng (*Mười ngàn đồng*) đã bị cháy xém không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, màu trắng, nhãn hiệu IPHONE, model: A1688; IMEI 1: 355417077736509, bên trong có thẻ Sim Viettel có dãy số 8984048008819756051, đây là điện thoại của bị cáo Võ Tấn D dùng để liên hệ mua ma túy sử dụng, cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, màu xanh đen, nhãn hiệu NOKIA, model: TA-1174; IMEI 1: 355752101548326, IMEI 2: 355752103548324, bên trong có thẻ Sim Viettel có dãy số 8984048000324190776 và thẻ Sim Mobifone có dãy số 8401201133174179, đây là điện thoại của bị cáo Võ Ngọc S dùng để liên hệ rủ bị can Lê Văn Btham gia sử dụng ma túy, cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu NOKIA, model: RM-647; IMEI 1: 356338/05/310386/1, bên trong có thẻ Sim Vinaphone có dãy số 89840200011164198044, đây là điện thoại của bị cáo Nguyễn Phi Dùng để liên lạc rủ Lê Văn Btham gia sử dụng ma túy, cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Samsung, màn hình điện thoại bị nứt vỡ, bên trong thân máy có gắn 02 thẻ sim đây là điện thoại của bị cáo Nguyễn Đình V dùng để liên hệ mua ma túy sử dụng, cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Samsung, màu trắng, màn hình điện thoại bị bể vỡ, điện thoại không lên nguồn, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri 8984048000059967604, đây là điện thoại của bị cáo Nguyễn Duy M, không liên quan đến hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động loại cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu đỏ, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri 8984048000078955858, đây là điện thoại của bị cáo Trần Đức Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu bạc, điện thoại được cài đặt mật khẩu, bên trong thân máy có gắn 01 thẻ Sim Viettel số seri 8984048000077151920, đây là điện thoại của bị cáo Phạm Hữu C, không liên quan đến hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu bạc, điện thoại không lên nguồn, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim mobifone có số seri 1171133005160, đây là điện thoại của bị cáo Nguyễn Xuân Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu xám. Bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri 8984048000327419528, đây là điện thoại của bị cáo Võ Thành D, không liên quan đến hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu trắng, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri 8984048000318157053, đây là điện thoại của chị Trần Quế Hương, cần trả lại cho chị Hương.

- Đối với 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu VIVO, model: V2026; IMEI 1: 860671057579457, IMEI 2: 860671057579440, bên trong có thẻ Sim Viettel có dãy số 8984048000052923398, đây là điện thoại của Trần Quốc P, cần

trả lại cho Trần Quốc P.

- Đối với 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu IPHONE, model: A1688; IMEI 1: 355417077736509, bên trong có thẻ Sim Viettele có dãy số 8984048008819756051, đây là điện thoại của Nguyễn Hoàng Diệu L, cần trả lại cho Nguyễn Hoàng Diệu L.

- Đối với 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG, model: SM-515F/DSN; IMEI 1: 353544563015916, IMEI 2: 353914473015910 bên trong có 02 thẻ Sim Viettele có dãy số 8984048000319873143 và 8984048841007096079, đây là điện thoại của Đỗ Anh H, cần trả lại cho Đỗ Anh H.

- Đối với 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu Redmi, model: Redmi 9; IMEI 1: 869876057380720, IMEI 2: 869876057380738 bên trong có thẻ Sim Mobifone có dãy số 8401200233255288, đây là điện thoại của Võ Anh K, cần trả lại cho Võ Anh K.

- Đối với 01 điện thoại di động, loại cảm ứng nhãn hiệu Samsung, màu đen, bên trong thân máy không có thẻ sim, đây là điện thoại của Lê Văn B (sinh ngày 27/01/1995), cần trả lại cho Lê Văn B.

[12] Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[13] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Phạm Hữu C, Nguyễn Xuân Đ và Trần Đức Đ về tội danh chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[14] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình V phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình V 05 (Năm) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2023/HS-ST ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Q, buộc bị cáo Nguyễn Đình V phải chấp hành chung hình phạt là 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 17/7/2023, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2021 đến ngày 14/4/2022.

2. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy M phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy M 07 (Bảy) năm tù, thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 22/02/2022.

3. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Võ Thành D phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Võ Thành D 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”,

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 82/2023/HSST ngày 27/7/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, buộc bị cáo Võ Thành D phải chấp hành chung hình phạt là 16 (Mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 27/6/2022, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2021 đến ngày 14/4/2022 và từ ngày 23/12/2020 đến ngày 19/8/2021 (tại Bản án hình sự phúc thẩm số 82/2023/HSST ngày 27/7/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi).

4. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu C phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu C 07 (Bảy) năm tù, thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 30/7/2024, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 24/02/2022 đến ngày 18/01/2023.

5. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Đ phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 07 (Bảy) năm tù, thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 30/7/2024, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 08/3/2022 đến ngày 07/11/2022.

6. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Đức Đ phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Trần Đức Đ 07 (Bảy) năm tù, thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 30/7/2024, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/02/2022 đến ngày 10/11/2022.

7. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Võ Tấn D phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Võ Tấn D 07 (Bảy) năm tù, thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 30/7/2024, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/02/2022 đến ngày 19/01/2023.

8. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Võ Ngọc S phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Võ Ngọc S 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2023/HS- ST ngày 25/4/2023 của Toà án nhân dân thành phố Q, buộc bị cáo Võ Ngọc S phải chấp hành chung hình phạt là 11 (Mười một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15/9/2021 đến ngày 15/11/2022.

9. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Bphạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Lê Văn B07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2022/HS- ST ngày 11/7/2022 của Toà án nhân dân thành phố Q; tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2023/HS- ST ngày 25/4/2023 của Toà án nhân dân thành phố Q, buộc bị cáo Lê Văn Bphải chấp hành chung hình phạt là 11(Mười một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15/9/2021 đến ngày 15/11/2022 (tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2023/HS- ST ngày 25/4/2023 của Toà án nhân dân thành phố Q).

10. Căn cứ khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phi Dphạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi D02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/7/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Phi Dcho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có

thẻ quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

11. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Võ Thị Bvê tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Võ Thị B07 (Bảy) năm tù, thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/02/2022 đến ngày 28/7/2022.

12. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 89 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

12.1 Tịch thu tiêu hủy đối với:

+ 01 đĩa sứ màu trắng, hình tròn; 01 thẻ màu đen có in nhiều chữ, số màu trắng có chữ “YaMe.Vn”; 01 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng (*Mười ngàn đồng*) được cuộn tròn, đã bị cháy xém, cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong gửi giám định được niêm phong trong cùng một phong bì số 776/PC09 (GD-2021);

+ 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ bảo hành có in chữ Warranty card, 01 tờ polyme mệnh giá 10.000 đồng (*Mười ngàn đồng*) được cuộn tròn, đã bị cháy xém không còn giá trị sử dụng, cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong gửi giám định được niêm phong trong cùng một phong bì số 777/PC09 (GD-2021);

Các vật chứng nêu trên được phản ánh tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31/3/ 2023 giữa Công an thành phố Q và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

12.2 Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, màu trắng, nhãn hiệu IPHONE, model: A1688; IMEI 1: 355417077736509, bên trong có thẻ Sim Viettel có dãy số 8984048008819756051, của bị cáo Võ Tấn D .

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, màu xanh đen, nhãn hiệu NOKIA, model: TA-1174; IMEI 1: 355752101548326, IMEI 2: 355752103548324, bên trong có thẻ Sim Viettel có dãy số 8984048000324190776 và thẻ Sim Mobifone có dãy số 8401201133174179, của bị cáo Võ Ngọc S .

- Đối với 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu NOKIA, model: RM-647; IMEI 1: 356338/05/310386/1, bên trong có thẻ Sim Vinaphone có dãy số 89840200011164198044, của bị cáo Nguyễn Phi D.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Samsung, màn hình điện thoại bị nứt vỡ, bên trong thân máy có gắn 02 thẻ sim của bị cáo Nguyễn Đình V.

Các vật chứng nêu trên được phản ánh tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31/3/ 2023 giữa Công an thành phố Q và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

12.3 Trả lại cho chủ sở hữu:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy M 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Samsung, màu trắng, màn hình điện thoại bị bể vỡ, điện thoại không lên nguồn, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri 8984048000059967604;

- Trả lại cho bị cáo Trần Đức Đ01 điện thoại di động loại cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu đỏ, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri 8984048000078955858;

- Trả lại cho bị cáo Phạm Hữu C 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu bạc, điện thoại được cài đặt mật khẩu, bên trong thân máy có gắn 01 thẻ Sim Viettel số seri 8984048000077151920;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân Đ 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu bạc, điện thoại không lên nguồn, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim mobifone có số seri 1171133005160;

- Trả lại cho bị cáo Võ Thành D 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu xám. Bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri 8984048000327419528;

- Trả lại cho chị Trần Quế H01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone, màu trắng, bên trong thân máy có gắn thẻ Sim Viettel có số seri 8984048000318157053;.

- Trả lại cho anh Trần Quốc P 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu VIVO, model: V2026; IMEI 1: 860671057579457, IMEI 2: 860671057579440, bên trong có thẻ Sim Viettel có dãy số 8984048000052923398;

- Trả lại cho anh Nguyễn Hoàng Diệu L 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu IPHONE, model: A1688; IMEI 1: 355417077736509, bên trong có thẻ Sim Viettele có dãy số 8984048008819756051;

- Trả lại cho anh Đỗ Anh H01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu SAMSUNG, model: SM-515F/DSN; IMEI 1: 353544563015916, IMEI 2: 353914473015910 bên trong có 02 thẻ Sim Viettele có dãy số 8984048000319873143 và 8984048841007096079;

- Trả lại cho anh Võ Anh K 01 điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu Redmi, model: Redmi 9; IMEI 1: 869876057380720, IMEI 2: 869876057380738 bên trong có thẻ Sim Mobifone có dãy số 8401200233255288;

- Trả lại cho anh Lê Văn B(sinh ngày 27/01/1995) 01 điện thoại di động, loại cảm ứng nhãn hiệu Samsung, màu đen, bên trong thân máy không có thẻ sim.

Các vật chứng nêu trên được phản ánh tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31/3/ 2023 giữa Công an thành phố Q và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

13. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải thi hành 200.000đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CA TP.Quảng Ngãi
- Cơ quan CSĐT CA TP.Quảng Ngãi
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Bình

